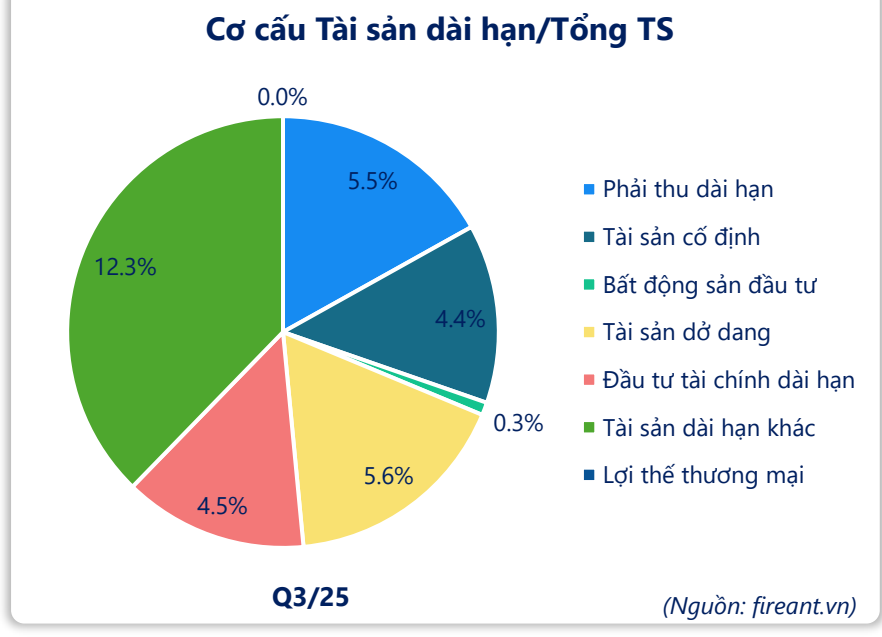
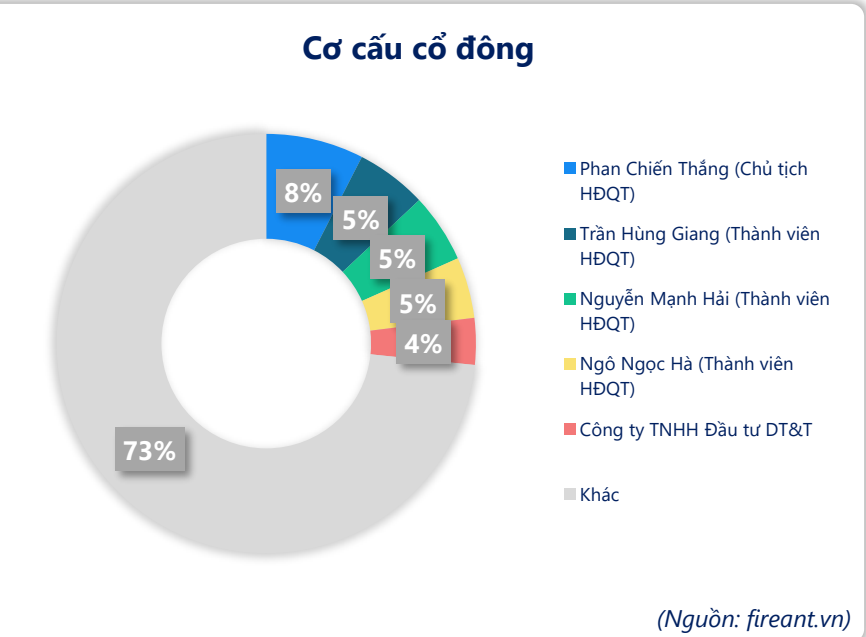
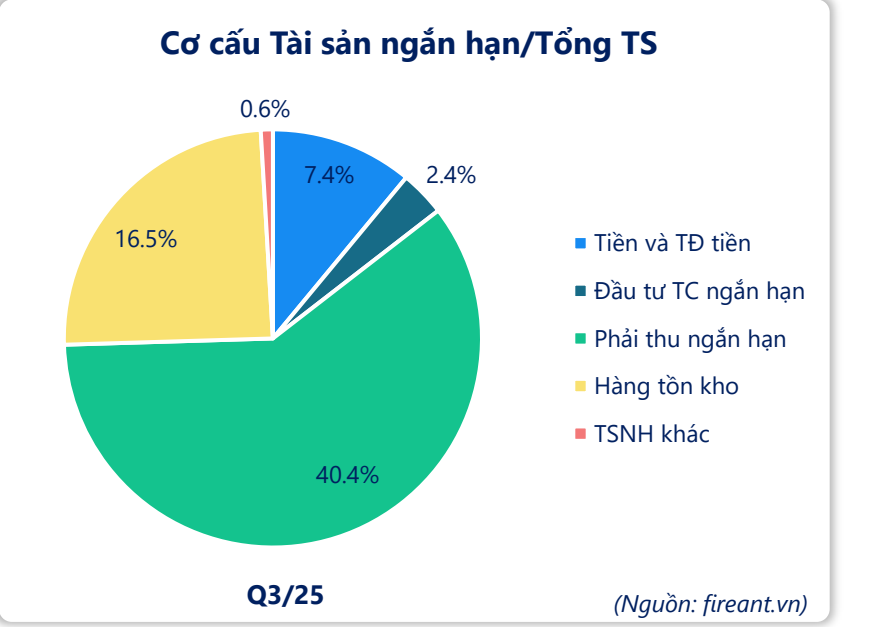
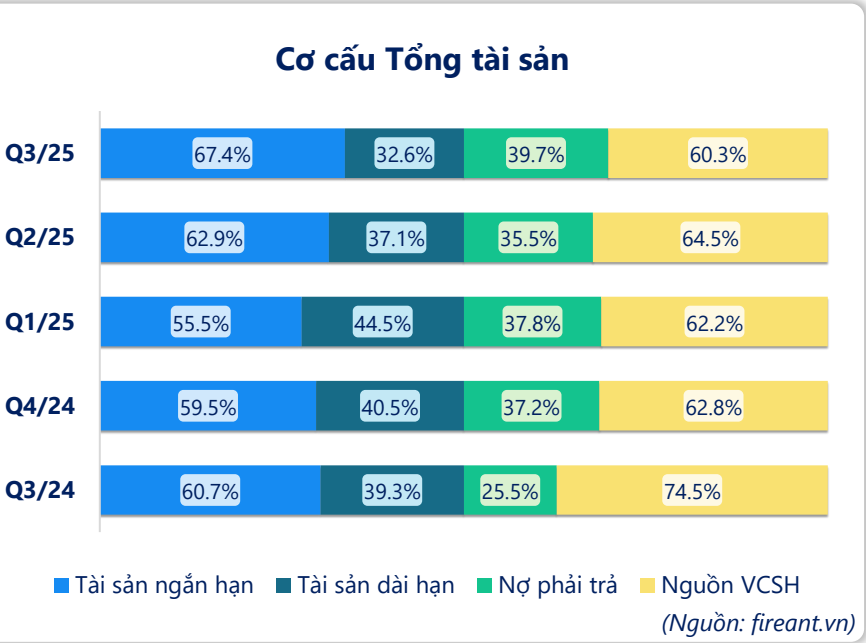
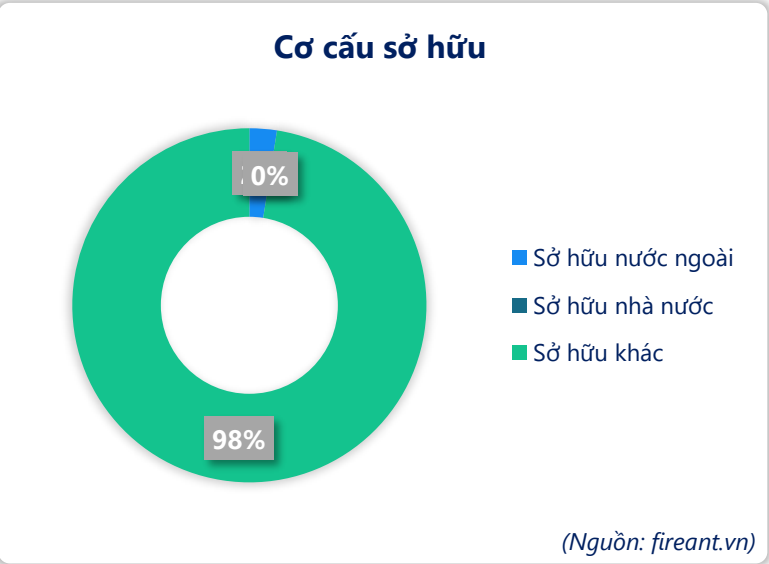
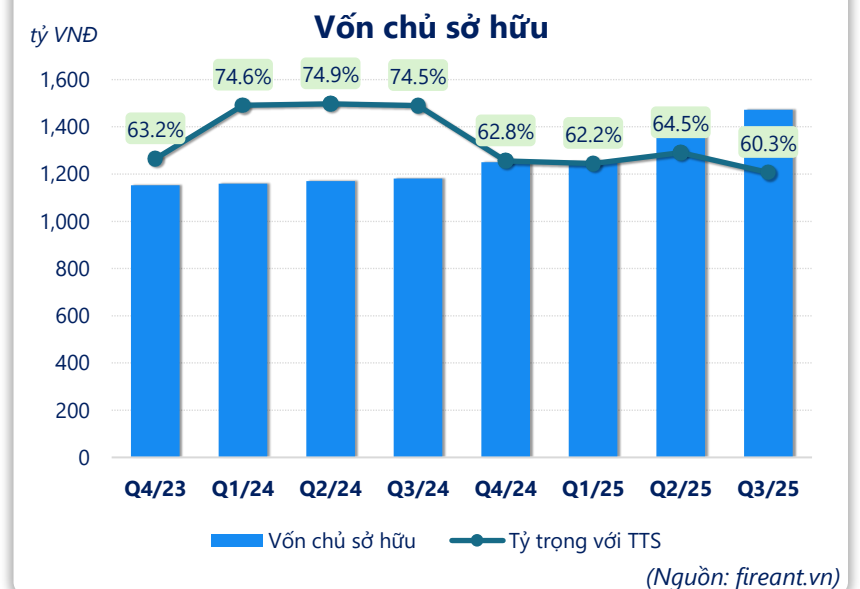
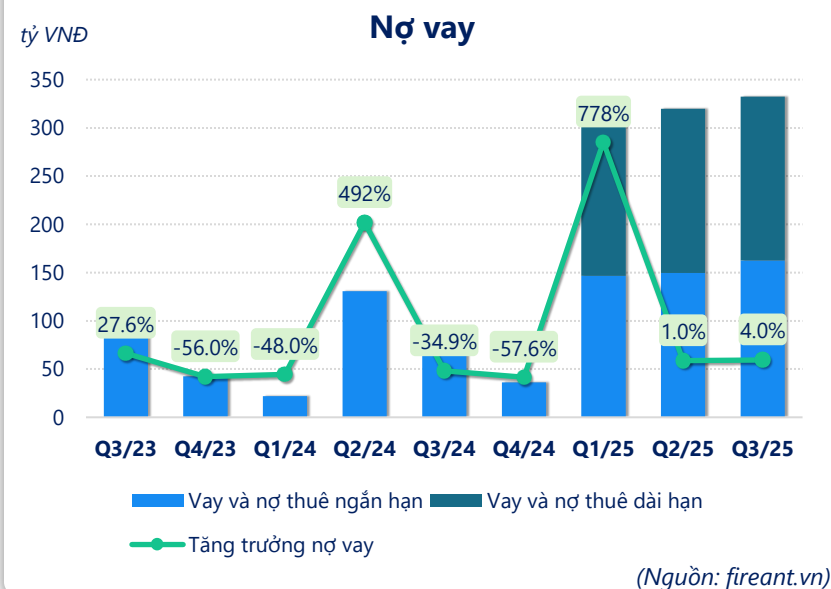
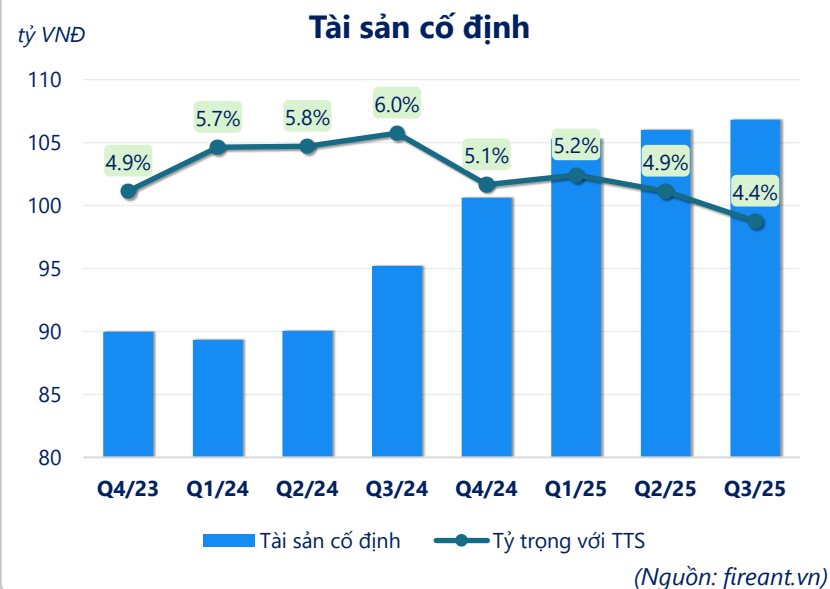
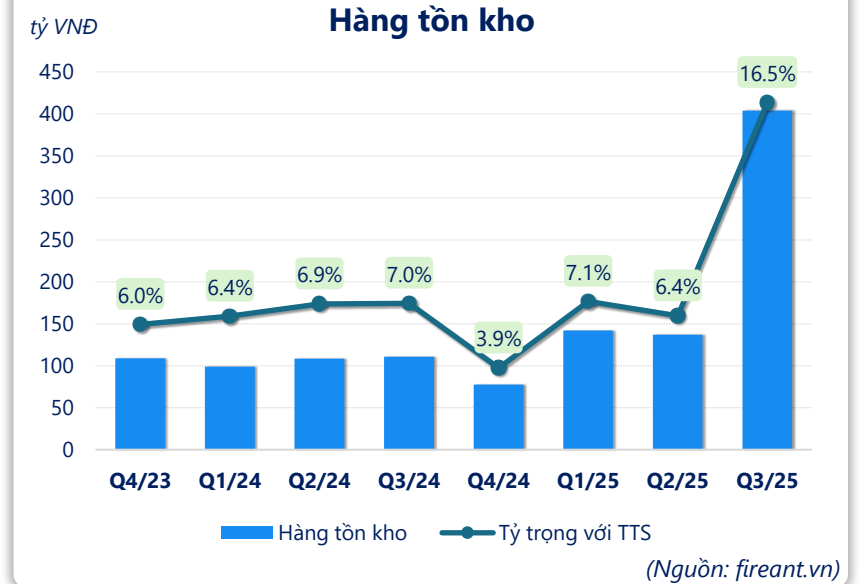
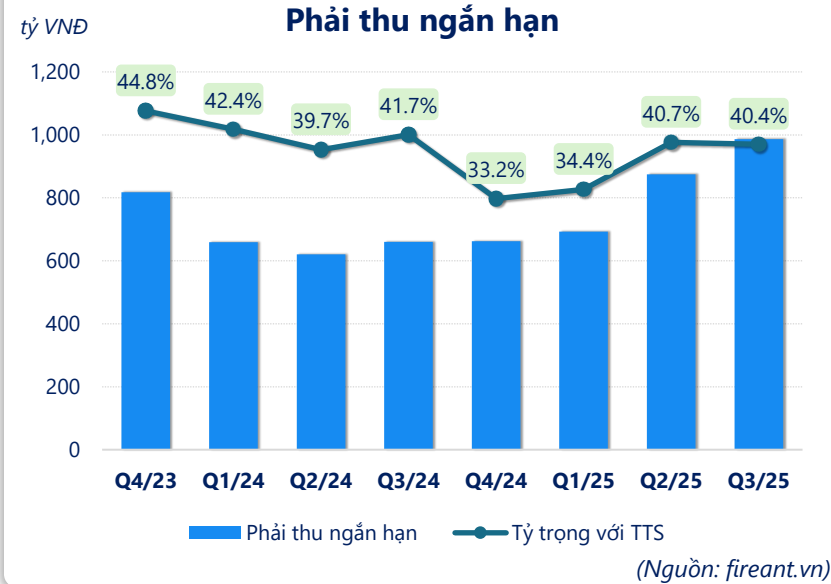
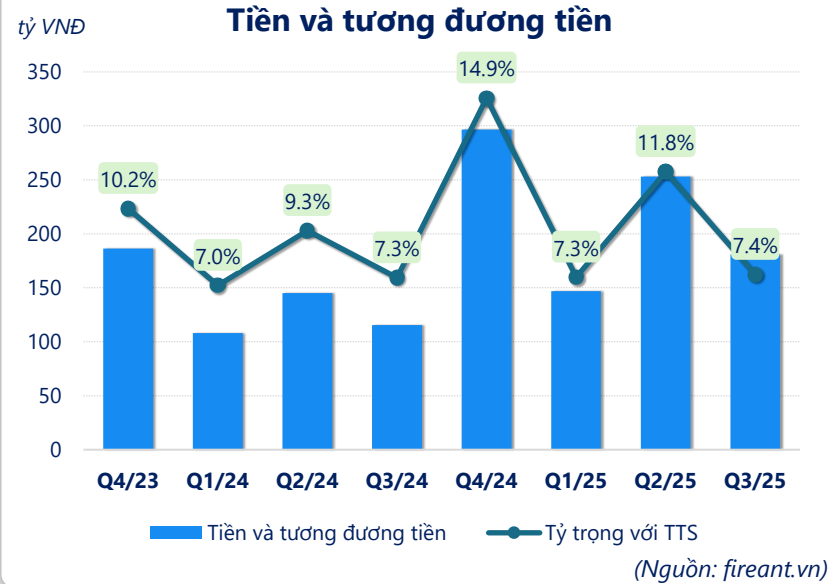
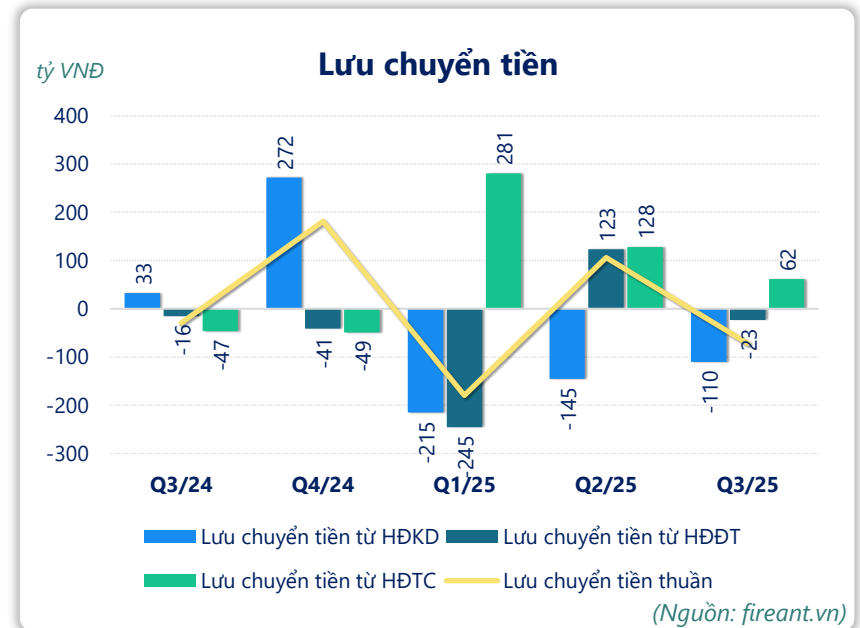
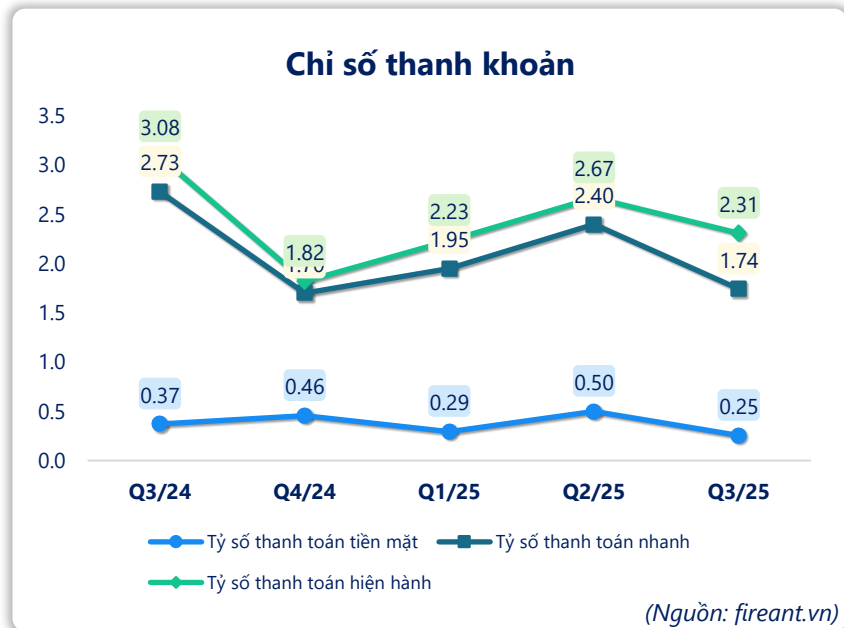
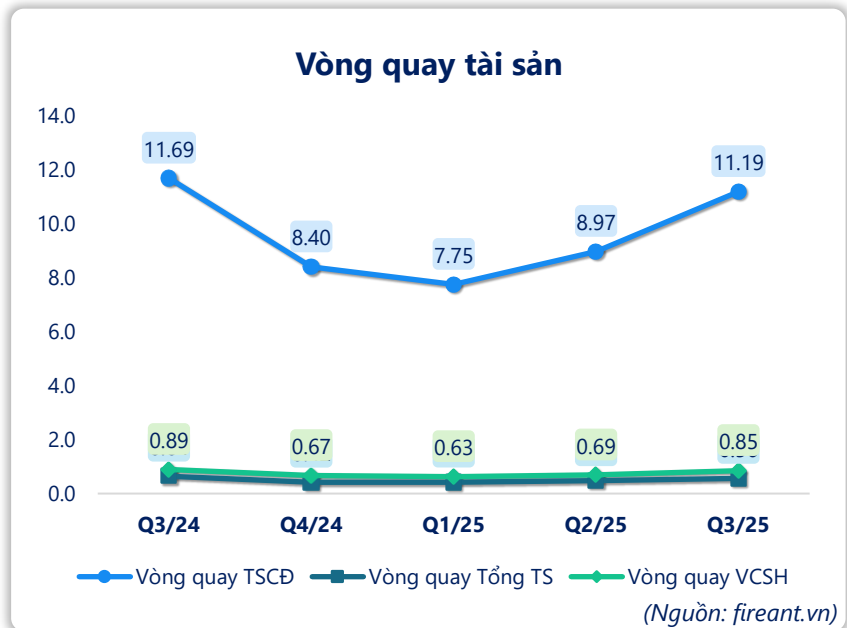
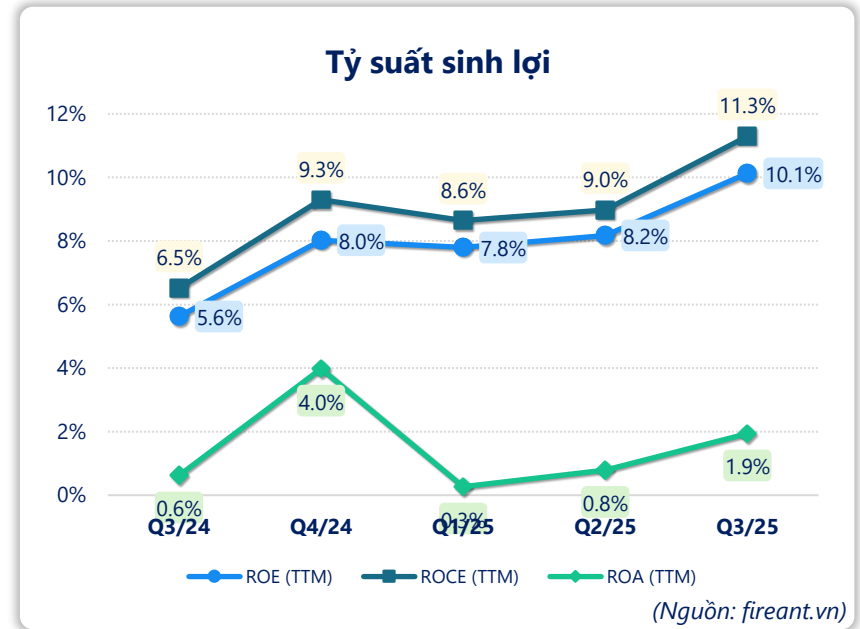
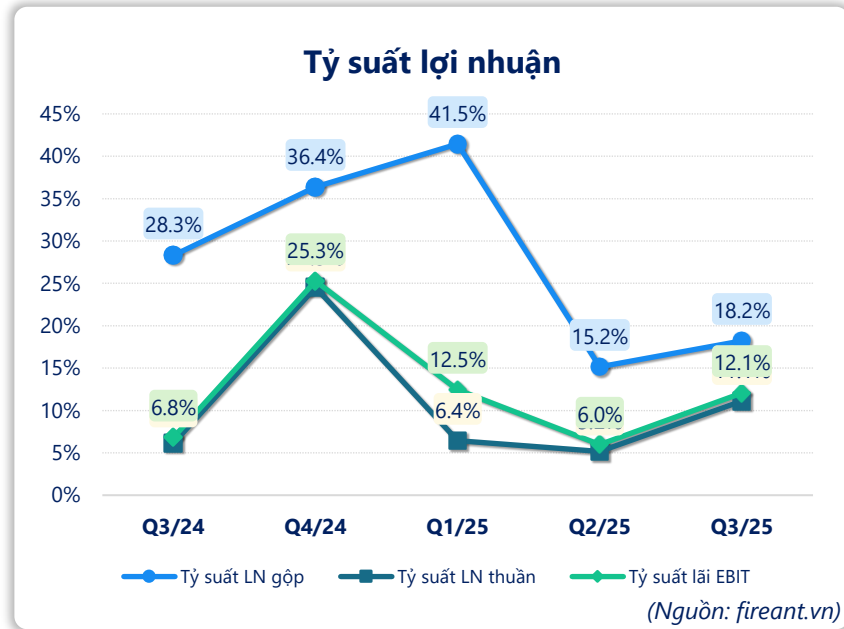
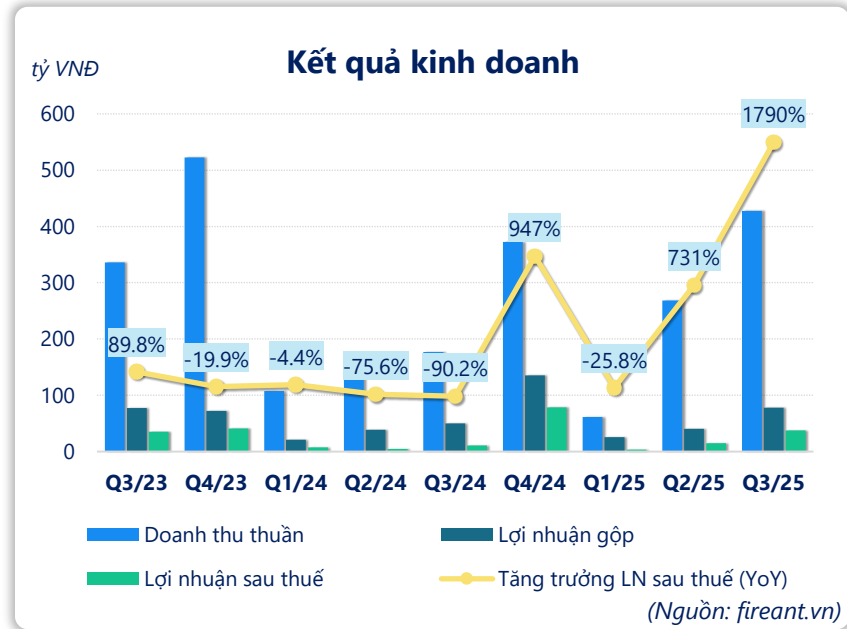


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		22,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		26,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		17,429
SL cổ phiếu LH		104,847,436
KLGD BQ 20 phiên (CP)		707,115
% sở hữu nước ngoài		2.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,401
P/E		17.9
EPS		1,282

	YTD	1T	3T	6T
ELC	0.5%	10.3%	7.6%	-0.6%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,441	1,990	22.7%
Tài sản ngắn hạn	1,645	1,185	38.8%
Tiền và tương đương tiền	181	327	-44.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	57.8	115	-49.9%
Phải thu ngắn hạn	987	662	49.1%
Hàng tồn kho	404	77.5	421%
Tài sản ngắn hạn khác	15.3	3.09	396%
Tài sản dài hạn	796	806	-1.1%
Phải thu dài hạn	135	62.8	114%
Tài sản cố định	107	100	6.8%
Bất động sản đầu tư	7.62	7.96	-4.3%
Tài sản dở dang	137	216	-36.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	110	109	1.1%
Tài sản dài hạn khác	300	310	-3.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	968	741	30.6%
Nợ ngắn hạn	713	651	9.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	162	36.1	350%
Phải trả người bán ngắn hạn	287	443	-35.3%
Nợ dài hạn	255	90.4	182%
Vay và nợ thuê dài hạn	170	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,473	1,249	17.9%
Vốn chủ sở hữu	1,473	1,249	17.9%
Vốn điều lệ	1,048	833	25.9%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	177	373	61.4	269	428
Giá vốn hàng bán	127	237	35.9	228	350
Lợi nhuận gộp	50.1	136	25.4	40.7	77.9
Doanh thu HĐTC	1.75	9.62	9.21	10.3	9.85
Chi phí TC	1.51	4.63	3.78	5.24	3.98
Chi phí lãi vay	1.20	0.72	3.72	0.36	3.87
LN trong công ty LKLD	0	0.00	0	0	0
Chi phí bán hàng	19.3	12.4	10.0	12.0	9.67
Chi phí QLDN	20.2	36.8	16.9	20.0	26.5
LN thuần từ HĐKD	10.8	91.3	3.95	13.9	47.6
Lợi nhuận khác	0.03	2.08	-0.02	1.82	0.18
LN trước thuế	10.9	93.4	3.92	15.7	47.7
Lợi nhuận sau thuế	10.8	78.3	3.34	14.7	37.6
LNST của CĐ cty mẹ	9.12	75.9	4.78	14.7	39.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	32.6	272	-215	-145	-110
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-15.6	-41.3	-245	123	-23.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-46.6	-49.0	281	128	61.7
Tiền đầu kỳ	145	115	327	147	253
Lưu chuyển tiền thuần	-29.6	181	-180	106	-71.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.01	0	0.02	0
Tiền cuối kỳ	115	297	147	253	181

(Nguồn: fireant.vn)